

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17/3/2026

V/v: *Ly hôn*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Huỳnh Thị Tuyết Mai.

+ Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Dư – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về: “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn C - sinh ngày 01/01/1968; Số căn cước: 052068019374; nơi thường trú: Thôn C, xã P, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị L - sinh ngày: 01/01/1965; Số căn cước: 052165014115; nơi thường trú: Thôn C, xã P, tỉnh Gia Lai.

(Ông C có mặt, bà L vắng mặt nhưng có yêu cầu xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:

Ông với bà Trần Thị L tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới ra mắt bà con họ hàng và sống chung với nhau vào năm 1985 (ngày, tháng ông không nhớ) nhưng đến ngày 27/9/2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (cũ). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, không tìm được tiếng nói chung, thường xảy ra cãi vã nên cũng từ thời gian này vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không còn ai quan tâm đến ai. Ông nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Trần Thị L.

Ông với bà Trần Thị L có 04 người con chung tên là Trần Thị H, sinh năm: 1990, Trần Thị H1, sinh năm: 1992, Trần Quốc C1, sinh năm: 1993 và Trần Quốc T, sinh năm: 2000. Hiện nay sức khỏe các cháu phát triển bình thường và đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên ông không yêu cầu giải quyết quan hệ con chung. Ngoài ra vợ chồng ông có 01 người con tên là Trần Văn M, sinh năm: 1986 nhưng đã bị đau bệnh chết năm 1999.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Trần Thị L trình bày:

Bà với ông Trần Văn C tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới ra mắt bà con họ hàng và sống chung với nhau vào năm 1985 nhưng đến ngày 27/9/2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (cũ). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, không tìm được tiếng nói chung, thường xảy ra cãi vã, ông C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên cũng từ thời gian này vợ chồng bà sống ly thân cho đến nay, không còn ai quan tâm đến ai. Bà nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn, vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng các con đã lớn, đã có suôi gia nên bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ, bà không đồng ý ly hôn.

Bà với ông Trần Văn C có 04 người con chung tên là Trần Thị H, sinh năm: 1990, Trần Thị H1, sinh năm: 1992, Trần Quốc C1, sinh năm: 1993 và Trần Quốc T, sinh năm: 2000. Hiện nay sức khỏe các cháu phát triển bình thường và đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên bà không yêu cầu giải quyết quan hệ con chung. Ngoài ra vợ chồng có 01 người con tên là Trần Văn M, sinh năm: 1986 nhưng đã bị đau bệnh chết năm 1999.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ông C với bà L được ly hôn; con chung của ông C, bà L đã đủ 18 tuổi các đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết; tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung các đương sự không tranh chấp nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Trần Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Trần Thị L. Đây là tranh chấp về Hôn nhân – Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của ông C được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn bà Trần Thị L có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Ông Trần Văn C với bà Trần Thị L tự nguyện đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới ra mắt bà con họ hàng và sống chung với nhau vào năm 1985 nhưng đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (cũ) vào ngày 27/9/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa ông C với bà L được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Theo nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, không tìm được tiếng nói chung, thường xảy ra cãi vã nên cũng từ thời gian này vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không còn ai quan tâm đến ai. Ông nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không

hạnh phúc nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Trần Thị L. Bà Trần Thị L cho rằng quá trình chung sống đến đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, không tìm được tiếng nói chung, thường xảy ra cãi vã, ông C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên cũng từ thời gian này vợ chồng bà sống ly thân cho đến nay, không còn ai quan tâm đến ai. Bà nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn, vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng các con đã lớn, đã có suôi gia nên bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ, bà không đồng ý ly hôn.

[2.3]. Xét yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng ông C, bà L xảy ra mâu thuẫn từ năm 2023 và hiện nay vợ chồng không sống chung với nhau nhưng các bên không thể hàn gắn tình cảm để chung sống hạnh phúc; sau khi thụ lý vụ án Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông C với bà L đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Trần Thị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C.

[2.4]. Về con chung:

Ông với bà Trần Thị L có 04 người con chung tên là Trần Thị H, sinh năm: 1990, Trần Thị H1, sinh năm: 1992, Trần Quốc C1, sinh năm: 1993 và Trần Quốc T, sinh năm: 2000. Hiện nay sức khỏe các cháu phát triển bình thường và đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên ông C, bà L không yêu cầu giải quyết quan hệ con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, ông Trần Văn C phải chịu án phí ly hôn.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Gia Lai tại phiên tòa là phù hợp, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C về việc yêu cầu ly hôn bà Trần Thị L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn C được ly hôn bà Trần Thị L.

1.2. Về quan hệ con chung: Ông C với bà Trần Thị L có 04 người con chung tên là Trần Thị H, sinh năm: 1990, Trần Thị H1, sinh năm: 1992, Trần Quốc C1, sinh năm: 1993 và Trần Quốc T, sinh năm: 2000. Hiện nay sức khỏe các cháu phát triển bình thường và đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên ông C, bà L không yêu cầu giải quyết quan hệ con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí ly hôn: Ông Trần Văn C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Tuy nhiên, ông C đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0000173 ngày 07/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, nay được khấu trừ.

3. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Phù Mỹ Đông, tỉnh Gia Lai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Minh